TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/DS- ST
Ngày 22/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Cường.
Ông Nguyễn Văn Thụ.

-***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24/7/2024 và ngày 22/8/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TLST- DS ngày 03/01/2024 về việc Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 5 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 45 ngày 24/6/2024, quyết định ngừng phiên tòa số 15 ngày 24/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị H, sinh năm 1981. Vắng mặt.
Địa chỉ: Số 398 phố B, thị trấn Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Thân Nhân N, sinh năm 1990. Có mặt.
Địa chỉ: Số 329 đường L, phường H, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1971. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
2- Anh Phùng Tiến B, sinh năm 1976. (từ chối tham gia tố tụng).
Địa chỉ: Số 398 phố B, thị trấn Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện nội dung vụ án như sau:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Chị Phùng Thị H và chị Nguyễn Thị H có quan hệ quen biết nhau, ngày 10/01/2021 chị H có cho chị H vay số tiền 500.000.000 đồng, thỏa thuận vay có lãi và lãi suất tự thỏa thuận,

thời hạn trả nợ ngày 10/7/2021 trả nợ gốc và lãi suất. Ngày 02/6/2021 chị H tiếp tục cho chị H vay số tiền 1.200.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận vay có lãi và lãi suất tự thỏa thuận, thời hạn vay đến ngày 10/6/2021 trả nợ gốc và lãi suất. Tổng số tiền chị H nợ chị H 1.700.000.000 đồng. Đến nay chị H chưa trả. Chị H yêu cầu chị H pH trả số tiền 500.000.000 đồng vay lần 1 và lãi suất tính từ ngày 11/7/2021 tạm tính đến ngày 15/11/2023 là 117.534.247 đồng; số tiền 1.200.000.000 đồng vay lần 2 và tiền lãi tính từ ngày 11/6/2021 tạm tính đến ngày 20/11/2023 là 293.589.041 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 2.111.123.288 đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị H và anh T không nộp văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phùng Tiến B trình bày: Anh B là chồng chị H, số tiền 1.700.000.000 đồng chị H cho chị H vay là tiền riêng của chị H, anh B không có bất cứ quyền lợi gì liên quan đến số tiền này. Anh B đề nghị Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc, đề nghị HĐXX buộc chị Nguyễn Thị H pH trả cho chị Phùng Thị H số tiền nợ gốc 1.700.000.000 đồng và rút một phần yêu cầu lãi suất theo đơn khởi kiện với số tiền là 411.123.288 đồng và yêu cầu tiền lãi suất tính từ ngày nộp đơn khởi kiện (28/11/2023) đến ngày xét xử là 124.666.666 đồng.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T vắng mặt lần 2 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa phát biểu quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị H buộc chị Nguyễn Thị H pH trả chị Phùng Thị H số tiền nợ gốc 1.700.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày 28/11/2023 đến ngày xét xử là 124.666.666 đồng.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu về tiền lãi suất của chị Phùng Thị H đối với chị Nguyễn Thị H.

Án phí: Chị Nguyễn Thị H pH chịu 66.739.999 đồng tiền án phí DSST.

Trả lại chị Phùng Thị H số tiền 37.110.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn là chị Nguyễn Thị H có địa chỉ tại: Thôn T, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh T.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút phần yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị H trả tiền lãi suất theo đơn khởi kiện. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu đòi tiền lãi suất của nguyên đơn là phù hợp pháp luật.

[3] Nội dung vụ án: Ngày 10/02/2021 chị Phùng Thị H cho chị Nguyễn Thị H vay số tiền 500.000.000 đồng; ngày 10/6/2021 chị Phùng Thị H cho chị Nguyễn Thị H vay 1.200.000.000 đồng, khi vay hai bên không viết giấy vay tiền mà chỉ ghi trong sổ theo dõi cho vay, chị H có ký nhận, không thể hiện lãi suất và thời hạn trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần, ra thông báo mở phiên họp nhưng chị H và anh T không đến làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được. Xét thấy, giao dịch vay tiền giữa chị H và chị H là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên; giao dịch, thỏa thuận mà các bên đã thực hiện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự về hợp đồng vay tài sản, chị H đã nhận được tiền vay thì pH có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, buộc chị Nguyễn Thị H pH có nghĩa vụ trả chị Phùng Thị H số tiền nợ gốc 1.7000.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu lãi suất của nguyên đơn theo quy định của pháp luật tính từ ngày 28/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. HĐXX xét thấy khi hai bên thực hiện ký hợp đồng vay không thể hiện thời hạn vay và không có lãi suất; tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự quy định: *1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng pH báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.* Trong vụ án này trước khi khởi

kiện vụ án không có tài liệu nào thể hiện chị H đã yêu cầu hay thông báo chị H trả nợ số tiền đã vay, nay chị H yêu cầu trả lãi từ ngày nộp đơn đến tòa, cần xác định chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ khi chị H khởi kiện; tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: *4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*. Như vậy, yêu cầu lãi suất của chị H có căn cứ chấp nhận cụ thể từ ngày 28/11/2023 đến ngày 22/8/2024 là 08 tháng 24 ngày: Nợ gốc 1.700.000.000 đồng x 10%/1 năm x 08 tháng 24 ngày = 124.666.666 đồng. Tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là: Nợ gốc 1.700.000.000 đồng + 124.666.666 đồng tiền lãi = 1.824.666.666 đồng.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: HĐXX xét thấy khi chị H vay tiền chị H chỉ có một mình chị H ký nhận nợ, anh T chồng chị H không ký, quá trình giải quyết vụ án anh T không đến làm việc và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình nên không có căn cứ buộc anh T cùng có trách nhiệm trả nợ cùng chị H, mặt khác chị H chỉ yêu cầu một mình chị H pH trả nợ và cho rằng số tiền này chị H vay hộ người khác. Vì vậy cần buộc một mình chị H trả tiền cho chị H là có căn cứ.

[5] Trong vụ án này anh Phùng Tiến B là chồng chị Phùng Thị H xác định số tiền chị H vay chị H là tài sản riêng của chị H. Anh B không có ý kiến và yêu cầu gì. Vì vậy cần xác định đây là tài sản riêng của chị Phùng Thị H và buộc chị H trả cho chị H là có căn cứ.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của chị Phùng Thị H được chấp nhận, nên chị Nguyễn Thị H pH chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật là 66.739.999 đồng.

Hoàn trả lại chị Phùng Thị H số tiền 37.110.000đồng đã nộp tạm ứng án phí.

Đề nghị của đại diện VKS ở tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị H.

(1) Buộc chị Nguyễn Thị H pH có nghĩa vụ trả cho chị Phùng Thị H số tiền nợ gốc và lãi là 1.824.666.666 đồng (*Một tỷ tám trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm sáu sáu nghìn sáu trăm sáu sáu đồng*).

(2) Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu lãi suất cầu của chị Phùng Thị H đối với Nguyễn Thị H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H pH chịu 66.739.999 đồng (*Sáu mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại chị Phùng Thị H số tiền 37.110.000 đồng (Ba mươi bẩy triệu một trăm mười nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0008016 ngày 02/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-VKSND huyện Lục Nam;
-CCTHADS huyện Lục Nam;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Hợp